

SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN DI NGÔN NGỮ ĐẾN VIỆC HỌC THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN TRONG TIẾNG ANH

ĐÀO THỊ THANH HIỀN (*)

1. DẪN NHẬP

Do đặc điểm, cấu trúc khá phức tạp nên ngữ pháp tiếng Việt xưa nay được người học đánh giá là khó. Ta vẫn thường nghe một nhận xét được lưu truyền trong dân gian: “Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam”. Tuy nhiên khi đi sâu vào nghiên cứu tiếng Việt, ta sẽ nhận thấy rằng tiếng Việt của chúng ta rất giàu và đẹp, đơn giản mà độc đáo. Đặng Thai Mai, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng đã khẳng định “Tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ cũng như hình thức diễn đạt. Từ vựng tiếng Việt qua các thời kỳ diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều. Ngữ pháp cũng dần trở nên uyển chuyển, chính xác hơn” (Đặng Thai Mai, 1984). Trong bài viết này, tôi trình bày một khía cạnh nhỏ đó là việc sử dụng từ ngữ đi kèm với động từ để tạo nên sắc thái ý nghĩa khác nhau về thời gian, đơn giản mà độc đáo khác với tiếng Anh.

Kinh nghiệm sau nhiều năm giảng dạy tiếng Anh cho tôi thấy rằng người Việt trong giai đoạn đầu học tiếng Anh thường hay mắc phải một số lỗi về việc sử dụng động từ ở thì quá khứ đơn để nói đến một hành động đã xảy ra và đã chấm dứt trong quá khứ.

Trên cơ sở phân tích đối chiếu (contrastive analysis) tiếng Anh với tiếng Việt, bài viết đưa ra một số lỗi thường gặp của người học và phân tích mức độ ảnh hưởng của chuyển ngữ từ ngữ pháp tiếng Việt sang tiếng Anh trong việc sử dụng thì quá khứ đơn.

2. SƠ LƯỢC VỀ PHẠM TRÙ THÌ CỦA TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

Tiếng Việt được mô tả là một ngôn ngữ đơn lập hoặc đơn âm tiết không có biến hình. Trong một câu, các từ của tiếng Việt hoàn toàn độc lập lẫn nhau và một từ có thể được sử dụng dưới dạng những từ loại khác nhau - từ không thay đổi trong việc thể hiện chức năng ngữ pháp.

Trái lại, tiếng Anh được xem là một ngôn ngữ biến hình, đa âm tiết, trong đó các từ đa âm tiết nhiều hơn các từ đơn âm tiết và có thể thay đổi về dạng cho phù hợp với yêu cầu về ngữ pháp (Swan and Smith, 1987).

Trong đa số các ngôn ngữ, *thì* là phạm trù dùng để diễn tả một hành động xảy ra trong thời gian nào. Các nhà ngữ pháp cho rằng tiếng Việt không có phạm trù *thì* như các ngôn ngữ khác mà trong tiếng Việt khi sử dụng các từ “đã, đang, sắp, sẽ...” cho đúng thì người nghe sẽ hiểu được hành động đó diễn ra vào lúc nào. Chẳng hạn khi nói đến một hành động đã xảy ra trước thời điểm nói (*thì* quá khứ), trong tiếng Việt có từ “đã”, xét trong quan hệ với lúc đang nói

(*) Thạc sĩ. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.

(*thì hiện tại*), ta dùng từ “đang” và sau khi đang nói (*thì tương lai*), có từ “sắp”, “sẽ”.

“Đã, đang, sắp, sẽ, vừa mới...” là những từ đứng trước động từ để bổ nghĩa cho động từ nhằm chỉ quan hệ thời gian. Về mặt từ loại, đây là những hư từ chuyên đi kèm với động từ có nhiều tên gọi khác nhau như phó động từ, từ đi kèm với động từ hay phó từ.

Ví dụ:

Cuộc chiến chống khủng bố *đã* đạt được kết quả tốt đẹp.

Mẹ ơi, con *đang* làm bài tập Toán.

Ai *sẽ* báo tin cho anh ấy biết?

Tuy nhiên trong thực tế, không phải lúc nào những hư từ này cũng được đặt trong câu. Trong một ngữ cảnh cụ thể hay khi có những trạng từ chỉ thời gian trong câu như “ngày mai”, “hôm qua”, “bây giờ”, “tuần tới”, “năm sau”, “tối nay”, “tuần trước”, v.v. Người nói thường hay tính lược những hư từ này mà người nghe vẫn có thể hiểu được sắc thái ý nghĩa của hành động.

Ví dụ:

Sáng mai anh đi đâu? *Thay vì* Sáng mai anh sẽ đi đâu?

Hôm qua con mua gì ở cửa hàng? *Thay vì* Hôm qua con đã mua gì ở cửa hàng?

Ngược lại trong tiếng Anh, khi muốn thể hiện thời gian xảy ra hành động, động từ trong tiếng Anh phải được chỉ ra cho phù hợp với thời điểm xảy ra hành động. Trong tiếng Anh có 12 *thì* cơ bản để diễn tả thời gian xảy ra hành động.

Thì	Tenses
Thì hiện tại đơn	Simple present tense
Thì hiện tại tiếp diễn	Present continuous tense
Thì hiện tại hoàn thành	Present perfect tense

Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn	Present perfect continuous tense
Thì quá khứ đơn	Simple past tense
Thì quá khứ tiếp diễn	Past continuous tense
Thì quá khứ hoàn thành	Past perfect tense
Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn	Past perfect continuous tense
Thì tương lai đơn	Simple future tense
Thì tương lai tiếp diễn	Future continuous tense
Thì tương lai hoàn thành	Future perfect tense
Thì tương lai hoàn thành tiếp diễn	Future perfect continuous tense

Ở mỗi *thì* trong tiếng Anh, động từ đều được chia một cách khác nhau theo những quy tắc riêng đòi hỏi người học phải luyện tập rất nhiều mới có thể thông thạo cách sử dụng của từng *thì*.

Đối với người Việt, phạm trù *thì* trong tiếng Anh thực sự là một phạm trù phức tạp, rất khó nắm bắt so với sự đơn giản của ngữ pháp tiếng Việt. Chính vì lẽ đó, người học không tránh khỏi một số khó khăn khi học tiếng Anh.

3. BÀN LUẬN VỀ CHUYỂN DI NGÔN NGỮ (LANGUAGE TRANSFER)

Theo *Từ điển ngôn ngữ học* của Nhà xuất bản Longman, chuyển di ngôn ngữ (language transfer) là sự ảnh hưởng của một ngôn ngữ đối với việc học một ngôn ngữ khác.

Nhà nghiên cứu Taylor (1975) nhận thấy rằng hầu hết những người mới học ngoại ngữ thường dễ bị ảnh hưởng bởi sự chuyển di ngôn ngữ hơn những người đã học lâu năm. Do có ít kiến thức về ngôn ngữ mới học nên người mới học thường vận dụng những quy luật của ngôn ngữ mẹ đẻ để áp dụng vào ngôn ngữ đang học nhằm tạo thuận lợi cho việc học một ngôn ngữ mới.

Nhà ngôn ngữ học Ellis (1997) cũng có cùng quan điểm trên khi lập luận rằng khi hai ngôn ngữ có cùng điểm giống nhau, việc học một ngôn ngữ sẽ dễ dàng hơn do có sự chuyển di tích cực (positive transfer) từ ngôn ngữ đầu tiên. Tuy nhiên, khi hai ngôn ngữ khác nhau, chuyển di tiêu cực (negative transfer) sẽ làm cho việc học ngoại ngữ khó khăn hơn và là nguyên nhân dẫn đến mắc lỗi trong quá trình học.

Cũng như Ellis, Brown (1994) nhận định rằng có hai loại chuyển di: chuyển di tích cực (positive transfer) và chuyển di tiêu cực (negative transfer). Chuyển di tích cực xảy ra khi những kiến thức đã hiện hữu ở người học tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận một vấn đề mới. Chuyển di tiêu cực xảy ra khi kiến thức sẵn có của người học gây khó khăn cản trở đến khả năng tiếp thu một nội dung mới. Do vậy, chuyển di tiêu cực được xem là “ảnh hưởng hay làm trở ngại” (interference) đến việc học một ngôn ngữ thứ hai do những gì đã biết trước đây ở ngôn ngữ thứ nhất đã được chuyển di không phù hợp.

Theo Ellis (1985), nhận định chung thường cho rằng ngôn ngữ thứ nhất có ảnh hưởng đến ngôn ngữ thứ hai do các đặc điểm của ngôn ngữ thứ nhất được đưa sang áp dụng vào ngôn ngữ thứ hai. Tuy nhiên để có thể thông thạo ngôn ngữ thứ hai hay ngôn ngữ đích (target language) các đặc điểm của ngôn ngữ đầu tiên cần được thay thế từ để người học có thể tiến gần đến văn phong tự nhiên của ngôn ngữ đích. Tương tự, Brown (1994) viết rằng “ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ sẽ đương nhiên được người học ngoại ngữ thể hiện rõ qua các lỗi”.

Đặc biệt các lỗi chuyển di này thường thấy ở giai đoạn ban đầu trong quá trình học. Nhà nghiên cứu Taylor (1975) và Littlewood (1984) qua khảo sát đã đưa ra cùng một kết luận rằng những người mới học ngôn ngữ thứ hai hoặc một ngoại ngữ mới thường chưa có nhiều kiến thức về ngôn ngữ mới để có thể hiểu được các quy tắc ngữ pháp, và do đó họ thường áp dụng những gì mình biết ở ngôn ngữ thứ nhất vào ngôn ngữ thứ hai.

Nhìn chung, trong quá trình học một ngôn ngữ mới, người học thường mắc phải một số lỗi do chuyển dịch không đúng từ tiếng mẹ đẻ sang.

4. BÀN VỀ HÀNH ĐỘNG QUÁ KHỨ TRONG TIẾNG VIỆT (ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG ANH)

Khi nói đến một hành động xảy ra trong quá khứ, trong tiếng Việt có thể dùng từ “đã” kết hợp với động từ, cụ thể là đứng trước động từ và động từ vẫn không thay đổi hoặc đôi khi ta cũng có thể lược bỏ từ “đã” khi đã có một số trạng từ chỉ thời gian hoặc tùy theo ngữ cảnh mà người nghe vẫn có thể hiểu được sắc thái ý nghĩa đầy đủ về thời gian xảy ra hành động.

Ví dụ có dùng từ “đã”:

Họ đã bầu ông ta làm chủ tịch.
(They elected him president).

Ví dụ về tỉnh lược từ “đã”:

Họ bầu ông ta làm chủ tịch.
(They elected him president).

Trong tiếng Anh, có đến 4 thì khác nhau nói về hành động đã xảy ra trước thời điểm nói, cụ thể như sau (Eastwood, 1999).

Thì (tense)	Cách sử dụng (use)	Ví dụ (example)
Thì quá khứ đơn (Simple past tense)	- Dùng để diễn tả một hành động đã xảy ra trong quá khứ và đã chấm dứt. - Trong thì này thường thấy xuất hiện một số cụm từ chỉ thời gian như hôm qua (yesterday), tuần trước (last week), vào năm 1994 (in 1994), cách đây một trăm năm (a hundred years ago)...	- Tôi gặp cô ấy cách đây 2 ngày. (I met her two days ago.)
Quá khứ tiếp diễn (Past continuous tense)	Diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ.	Tôi đang xem TV vào lúc 8 giờ tối hôm qua. (I was watching TV at 8 o'clock yesterday evening.)
Quá khứ hoàn thành (Past perfect tense)	Diễn tả một hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ.	Khi tôi tới nơi, anh ấy đã ra phi trường rồi. (When I got there, he had gone to the airport.)
Hiện tại hoàn thành (Present perfect tense)	Diễn tả một hành động đã xảy ra trong quá khứ và vẫn còn kéo dài đến hiện tại.	Tôi đã sống trong ngôi nhà này được 10 năm rồi. (I have lived in this house for ten years.)

Những phạm trù về thì này thật sự rất khó hiểu và nhận biết đối với người Việt học tiếng Anh. Trong tiếng Việt, phạm trù này rất đơn giản và dễ hiểu, khi nói đến một hành động xảy ra trước thời điểm nói thì hành động đó được hiểu là xảy ra ở quá

khứ. Điều này lý giải vì sao người học thường hay mắc phải các lỗi về việc sử dụng thì trong tiếng Anh. Theo như nhận định của Swan and Smith (1987), “vì người Việt đã quen với sự đơn giản của phạm trù chỉ thời gian trong tiếng Việt nên người Việt nhận thấy tiếng Anh rất khó nắm bắt”.

Ở giai đoạn đầu tiếp cận với một hành động đã xảy ra trong quá khứ, người học sẽ được tiếp cận nhiều bài học về *thì* quá khứ đơn trước khi làm quen với các *thì* khác như quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành hay hiện tại hoàn thành. Và ở chính giai đoạn ban đầu này, người học gặp khá nhiều khó khăn khi sử dụng *thì* quá khứ đơn và mắc một số lỗi do vận dụng ngữ pháp tiếng Việt vào tiếng Anh không phù hợp trong văn nói, viết luận văn hoặc trong dịch thuật.

5. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP KHI SỬ DỤNG THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU HỌC TIẾNG ANH

- Trong câu khẳng định (affirmative statement) ở *thì* quá khứ đơn, động từ sẽ được chia ra cho phù hợp với thời gian xảy ra hành động, cụ thể là có 2 dạng: có quy tắc (regular verbs) hoặc bất quy tắc (irregular verbs). Đối với động từ có quy tắc, ta thêm “ed” vào cuối động từ, ví dụ: *played, lived, loved, watched, stayed...* Động từ bất quy tắc là những động từ không có quy tắc nào khi nói về hành động ở quá khứ mà ta phải học thuộc lòng dạng quá khứ của những động từ này, ví dụ: *went, did, made, built, caught...* Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, động từ trong tiếng Việt luôn ở dạng không thay đổi và ta chỉ cần thêm từ “đã” trước động từ hoặc lược bỏ từ này mà người nghe vẫn hiểu được thời gian xảy ra hành động. Chính vì vậy mà người học

không có thói quen thêm “ed” vào cuối động từ hay sử dụng dạng bất quy tắc của động từ khi nói về hành động đã xảy ra trong quá khứ.

Ví dụ trong tiếng Việt	Câu đúng trong tiếng Anh	Lỗi thường gặp
Khi chúng tôi nhìn thấy tàu vũ trụ, chúng tôi dừng xe lại.	When we saw the spaceship, we stopped the car.	When we <u>see</u> the spaceship, we <u>stop</u> the car.
Sáng hôm qua, tôi mua một đôi giày mới.	I bought a new pair of shoes yesterday morning.	I <u>buy</u> a new pair of shoes yesterday morning.
Thứ ba tuần trước, tôi bay từ Los Angeles tới Mexico City. Tôi thức dậy vào lúc 6 giờ rồi uống một tách cà phê.	Last Tuesday, I flew from Los Angeles to Mexico City. I got up at 6 o'clock and drank a cup of coffee.	Last Tuesday, I <u>fly</u> from Los Angeles to Mexico City. I <u>get</u> up at 6 o'clock and <u>drink</u> a cup of coffee.
Hè năm ngoái, chúng tôi đi biển chơi. Chúng tôi đã chơi đùa rất vui vẻ với nhau.	Last summer, we went to the beach. We had a good time there with each other.	Last summer, we <u>go</u> to the beach. We <u>have</u> a good time there with each other.

- Trong câu phủ định (negative statement) ở thì quá khứ đơn trong tiếng Anh, ta chỉ cần thêm trợ từ “did” và “not” hoặc viết rút gọn dưới dạng “didn’t” trước động từ (động từ vẫn ở dạng nguyên mẫu không có “ed” hay ở dạng bất quy tắc). Khi diễn tả ý phủ định trong tiếng Việt, từ phủ định ‘không’ được đặt trước động từ hoặc trước từ “đã” và động từ này tương đương với từ “not” trong tiếng Anh. Do đó khi nói hoặc viết một câu phủ định ở thì quá khứ đơn, người học thường thiếu từ “did” mà chỉ dùng từ “not” trước động từ.

Ví dụ trong tiếng Việt	Câu đúng trong tiếng Anh	Lỗi thường gặp
Tôi không mua cho cô ấy quyển sách.	I <u>didn't</u> buy her the book.	I <u>not</u> buy her the book.
Tuần trước, Minh đã không đi làm.	Minh <u>did not</u> go to work last week.	Minh <u>not go</u> to work last week.
Lan đã không xem Tivi vào kỳ nghỉ vừa qua.	Lan <u>did not</u> watch a lot of television on holiday.	Lan <u>not</u> <u>watch</u> a lot of television on holiday.

- Trong câu hỏi có hay không (yes-no question), tiếng Việt thường thêm các phó từ nghi vấn để hỏi như “chưa”, “có...không”, “rồi à” vào cuối câu mà không thay đổi về dạng của động từ, ví dụ *Con đã ăn cơm rồi à?*. Trong câu hỏi có từ để hỏi (wh-question) như cái gì, ở đâu, những từ để hỏi này sẽ được đặt ngay sau động từ, chẳng hạn *Cô ấy xem cái gì vậy?*. Nói tóm lại, câu nghi vấn trong tiếng Việt không có đảo vị trí của chủ ngữ và động từ cũng như không có sự thay đổi về động từ. Ngược lại trong tiếng Anh, ở câu hỏi có hay không, trợ động từ “did” phải được thêm vào trước chủ ngữ của câu và động từ vẫn ở trạng thái nguyên mẫu, ví dụ cụ thể là *Did you go to the zoo yesterday?*. Khi muốn đặt câu hỏi với những từ để hỏi, trong tiếng Anh những từ này sẽ được đặt ở đầu câu, chẳng hạn như *Where did you stay on holiday?*. Cũng chính vì sự khác biệt này mà người học tiếng Anh ở giai đoạn đầu thường lúng túng khi đặt câu hỏi ở thì quá khứ đơn và mắc phải một số lỗi như sau.

Ví dụ trong tiếng Việt	Câu đúng trong tiếng Anh	Lỗi thường gặp
Bạn đã nói gì	What did you	What you talk

với cô ấy?	talk to her about?	to her about?
Bạn có gặp Nam ở buổi tiệc không?	Did you see Nam at the party?	You see Nam at the party? Hoặc You saw Nam at the party?
Tối qua, bạn đã ăn gì?	What did you eat last night?	What you eat last night?

6. KẾT LUẬN

Tóm lại, khi nói về thời gian xảy ra hành động trước lúc nói, trong tiếng Việt ta có thể dùng hư từ “đã” hoặc có thể lược bỏ tùy theo ngữ cảnh mà vẫn tạo nên sắc thái ý nghĩa của hành động. Tuy nhiên trong tiếng Anh, phạm trù này phức tạp hơn, đòi hỏi người học phải chú ý sử dụng động từ cho đúng với thời gian xảy ra hành động mà mình muốn diễn tả. Động từ trong tiếng Anh phải được sử dụng sao cho hòa hợp với chủ từ và thời điểm xảy ra hành động. Chính vì lẽ đó, người học tiếng Anh trong giai đoạn đầu khi chưa thông thạo về phạm trù thì trong tiếng Anh thường có xu hướng vận dụng ngữ pháp tiếng Việt vào việc học tiếng Anh hay nói cách khác, sự chuyển di ngôn ngữ trong trường hợp này đã gây ảnh hưởng đến quá trình nắm bắt các quy tắc của một ngôn ngữ mới và do đó không tránh khỏi việc mắc lỗi khi sử dụng thì.

Một số quan điểm cho rằng, lỗi thể hiện sự thất bại trong quá trình học và phạm lỗi là điều cần phải tránh. Tuy nhiên, các quan điểm hiện đại khác lại cho rằng các lỗi này được xem là một vấn đề tất yếu không tránh khỏi trong quá trình học một ngôn ngữ mới. Theo nhà nghiên cứu Corder (1967), mắc lỗi trong quá trình học là cần thiết vì các lỗi cung cấp thông tin về hệ thống kiến thức mà người học đang vận

dụng. Chính vì vậy, lỗi của người học rất có ý nghĩa đối với người thầy, nhà nghiên cứu và cả với chính người học.

Một số lỗi do chuyển di ngôn ngữ được trình bày và phân tích trong bài viết nhằm giúp người học nhận biết về sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh, đồng thời giúp người học có thể hiểu sâu hơn về tiếng Việt và sử dụng thành thạo tiếng Việt để học tốt tiếng Anh. Đó là mong muốn của chúng tôi, những người giảng dạy về ngôn ngữ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D. 1994. *Principles of language learning and teaching* (3rd ed.). Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
2. Corder, S. 1967. The significance of learners' errors. *International Review of Applied Linguistics* V: 161-70.
3. Diệp Quang Ban, 2004. *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Đặng Thai Mai. 1984. *Tuyển tập Đặng Thai Mai*. Tập II. Hà Nội: Nxb. Văn học.
5. Eastwood, J. 1999. *Oxford Practice Grammar* (2nd ed.). Oxford: Oxford University Press.
6. Ellis, R. 1985. *Understanding Second Language Acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
7. Littlewood, W. T. 1984. *Foreign and Second Language Learning: Language Acquisition Research and Its Implications for the Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Swan, M. & B. Smith (eds). 1987. *Learner English: A Teacher's Guide to Interference and Other Problems*. Cambridge: Cambridge University Press.
9. Taylor, B. 1975. *The use of overgeneralization and transfer learning strategies by elementary and intermediate students in ESL*. *Language learning* Vol. 25, No. 1.